

## TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN NĂM CUỐI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC SỬ DỤNG CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY TRONG ĐỢT THỰC TẬP

ĐOÀN VĂN ĐIỀU\*

### TÓM TẮT

*Mức độ tự đánh giá về việc sử dụng chiến lược giảng dạy trong đợt thực tập giảng dạy của sinh viên năm cuối Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) thể hiện kết quả của việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP). Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tự đánh giá này phản ánh đúng trình độ đạt được của sinh viên sau những năm được rèn luyện NVSP tại trường. Trong 21 chiến lược giảng dạy, không có chiến lược nào được đánh giá ở mức độ cao; 5 chiến lược đạt mức độ khá cao liên quan đến nội dung bài giảng; 4 chiến lược đạt mức độ trung bình liên quan đến việc hiểu người học và 12 chiến lược đạt mức độ thấp liên quan đến kỹ thuật giảng dạy và mở rộng nội dung.*

**Từ khóa:** tự đánh giá, chiến lược giảng dạy, thực tập giảng dạy, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

### ABSTRACT

#### *Self – assessment on using teaching strategies in teaching practicum by seniors of Ho Chi Minh City University of Education*

*The extent of self-assessment on using teaching strategies in teaching practicum by seniors of Ho Chi Minh City University of Education (HCMCUE) demonstrates the results of professional development. These findings reflect genuinely the level teacher students have achieved after years of studying at HCMCUE. Among 21 teaching strategies, no strategies are assessed at high level; five strategies that are assessed at adequately high level are related to teaching contents; four strategies that are assessed at average level are related to understanding learners; and twelve strategies that are assessed at low level are related to teaching techniques and extending teaching contents.*

**Keywords:** self-assessment, teaching strategy, teaching practicum, professional development.

### 1. Đặt vấn đề

Một trong những kết quả của nhiệm vụ đào tạo giáo viên ở trường sư phạm là giáo sinh nắm vững phương pháp giảng dạy trong đợt thực tập. Theo quan điểm hiện nay, việc rèn luyện NVSP được tích

hợp trong phương pháp giảng dạy, vì trong giảng dạy, nhiều kỹ năng được sử dụng để làm cho giờ dạy thành công.

**Chiến lược giảng dạy** là cách thức đưa ra quyết định về một khóa học, một lớp học, hoặc thậm chí một chương trình

---

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

giảng dạy toàn bộ, bắt đầu với một phân tích của các biến số quan trọng trong tình huống giảng dạy. Các biến này bao gồm các đặc điểm của các học viên, mục tiêu học tập và các ưu tiên giảng dạy của giáo viên. Một khi các biến này đã được phân tích, các quyết định mang tính thông báo có thể được thực hiện về nội dung, cấu trúc, phương pháp đánh giá và các thành phần quan trọng khác của khóa học.

Quá trình lập kế hoạch một khóa học không phải là một điều dễ dàng. (Mặc dù “khóa học” là đơn vị học tập phân tích được thảo luận, nhưng quá trình tạo ra một chiến lược giảng dạy hiệu quả tốt như nhau cho một lớp học hoặc một chương trình giảng dạy toàn bộ.)

Là giáo viên, bạn cần phải đưa ra quyết định về các chủ đề đưa vào (chương trình) và bỏ qua; thứ tự các chủ đề sẽ được trình bày; các phương pháp sử dụng (ví dụ, bài giảng, thảo luận, thực hành thí nghiệm); phương tiện thích hợp để đánh giá người học; tài liệu và công nghệ sử dụng; cách nhận được thông tin phản hồi... [7]

Trong sử dụng chiến lược giảng dạy, người dạy cần thực hiện những việc sau đây:

- Hiểu và sử dụng một loạt các chiến lược giảng dạy, khuyến khích sự phát triển của người học về tư duy phê phán, giải quyết vấn đề và kỹ năng thực hiện;
- Có thể tổ chức và tích hợp kiến thức liên ngành theo cách thúc đẩy khả năng của người học để phân tích và tiếp cận vấn đề của môn học một cách phê phán. [5]

Có rất nhiều chiến lược giảng dạy mà giáo viên có thể sử dụng để cải thiện

việc học của học sinh như: học tập tích cực, học tập hợp tác, tư duy phê phán, chiến lược thảo luận, học tập trải nghiệm, trò chơi, thí nghiệm và mô phỏng, tính hài hước trong lớp học... (khoảng 23 chiến lược). [4]

*Dạy chiến lược:* Dạy cho người học về các chiến lược, dạy cho họ sử dụng các chiến lược như thế nào và khi nào, giúp người học xác định những chiến lược có ảnh hưởng về mặt cá nhân và khuyến khích họ tạo ra những hành vi mang tính chiến lược như là một phần của khung học tập của các em [2]. Cụ thể, chiến lược giảng dạy liên quan đến nội dung bài giảng, hiểu người học, kỹ thuật giảng dạy và mở rộng nội dung.

Như vậy, giáo viên có nhiều lựa chọn chiến lược giảng dạy của mình. Tuy nhiên, việc lựa chọn và sử dụng hiệu quả chiến lược là điều cần đặt ra tùy tình huống giảng dạy.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi trình bày việc tự đánh giá của sinh viên về kỹ năng “sử dụng chiến lược giảng dạy trong giảng dạy” để đưa ra một số kết quả của việc đào tạo NVSP cho giáo viên Trường ĐHSP TPHCM.

## **2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu**

**2.1. Dụng cụ nghiên cứu:** Một bảng hỏi.

Trước khi soạn bảng hỏi, chúng tôi đã hỏi 93 sinh viên đang học năm cuối tại trường với các câu hỏi mở dưới đây:

- Anh/chị được học những môn Tâm lý học nào liên quan đến NVSP?
- Anh/chị được học những môn Giáo dục học nào liên quan đến NVSP?
- Anh/chị được học những môn

Phương pháp giảng dạy nào liên quan đến NVSP?

Các câu trả lời của sinh viên được phân tích nội dung và kết hợp với cơ sở lí luận, chúng tôi đã lập một phiếu hỏi gồm

21 câu như nội dung được trình bày dưới đây.

**2.2. Mẫu chọn**

Tổng cộng 168 sinh viên, gồm các tham số nghiên cứu:

Giới tính	N	%
Nam	53	31,5
Nữ	115	68,5

Hộ khẩu	N	%
Tỉnh	134	79,8
Thành phố	34	20,2

Ngành học	N	%
Tự nhiên	74	44,0
Xã hội	56	33,3
Ngoại ngữ	25	14,9
Khác	13	7,7

**3. Kết quả nghiên cứu**

Để việc xếp loại các mức độ thuận tiện, chúng tôi căn cứ trên điểm tổng cộng của phần 9 trong thang đo gồm 4 nhóm yếu tố của chiến lược giảng dạy để tính độ bách phân tương ứng với điểm trung bình (TB) của kết quả như sau:

Độ bách phân	TB tương ứng	Đánh giá mức độ lựa chọn
Cao hơn 80%	> 3,63	Cao
Từ 60 đến 79%	3,62 – 3,27	Khá cao
Từ 40 đến 59%	3,26 – 3,08	Trung bình
Dưới 39%	<3,07	Thấp

**3.1. Kết quả tổng quát đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy (xem bảng 1)**

**Bảng 1.** Tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy

Nội dung	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Khuyến khích học sinh tham gia bài giảng	3,41	0,73	2
Giải thích nội dung khó bằng nhiều cách	3,07	0,81	12
Sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học	2,85	1,16	21
Cung cấp minh chứng/ ví dụ về các nội dung, thông tin, vấn đề hoặc lí thuyết được đưa ra	3,04	0,86	15

Sử dụng phương tiện truyền thông khác nhau trong lớp học	2,98	0,88	16
Duy trì sự chú ý và tôn trọng của học sinh	3,20	0,94	6
Thích nghi với bất cứ thay đổi nào trong chú ý của học sinh (ví dụ, làm tăng sự tham gia của học sinh, thay đổi chiến lược, hoạt động, thay đổi nhịp độ...)	2,98	0,82	17
Thể hiện quan tâm/ hứng thú chân thành về nội dung khóa học/ buổi học	3,19	0,89	8
Thể hiện chiến lược giảng dạy hiệu quả đối với nội dung được đưa ra	3,07	0,90	13
Thể hiện sự làm chủ nội dung hoàn chỉnh	3,13	0,94	9
Cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng nội dung (ví dụ, các vấn đề, nghiên cứu trường hợp, tạo ra các ví dụ...)	2,97	0,88	18
Kết nối những ý tưởng/ lí thuyết/ nội dung mới... với những ý tưởng/ lí thuyết/ nội dung quen thuộc	2,90	0,87	19
Sử dụng nội dung sách giáo khoa trong buổi học	3,33	0,84	3
Kết nối nội dung với buổi học trước đó và sắp tới	3,07	0,95	11
Trình bày sự phát triển hiện nay trong lĩnh vực chuyên môn	2,87	0,95	20
Kết nối nội dung với bài tập	3,28	0,81	4
Đặt câu hỏi để gây được sự chú ý	3,28	0,81	5
Dành “thời gian chờ” khi đặt câu hỏi cho lớp	3,20	0,88	7
Dạy nội dung không quá khó (ngoài mô tả khóa học) hoặc quá dễ	3,08	0,93	10
Học sinh được tiếp tục tham gia (nghe, ghi chép, hoặc thảo luận tại chỗ, hoạt động...)	3,41	0,72	1
Giảm rối nhiễu một cách tích cực	3,05	0,76	14

Bảng 1 cho thấy việc tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo thứ bậc từ cao xuống thấp như sau:

- Mức độ cao: Không có.
- Mức độ khá cao: Học sinh được tiếp tục tham gia (nghe, ghi chép, hoặc thảo luận tại chỗ, hoạt động...): (thứ bậc 1); khuyến khích học sinh tham gia bài giảng (thứ bậc 2); sử dụng nội dung sách giáo khoa trong buổi học (thứ bậc 3); kết nối nội dung với bài tập (thứ bậc 4); đặt câu hỏi để gây được sự chú ý (thứ bậc 5).
- Mức độ trung bình: Duy trì sự chú

ý và tôn trọng của học sinh (thứ bậc 6); dành “thời gian chờ” khi đặt câu hỏi cho lớp (thứ bậc 7); thể hiện quan tâm/ hứng thú chân thành về nội dung khóa học/ buổi học (thứ bậc 8); thể hiện năng lực (làm chủ) nội dung hoàn chỉnh (thứ bậc 9); dạy nội dung không quá khó (ngoài mô tả khóa học) hoặc quá dễ (thứ bậc 10).

- Mức độ thấp: Kết nối nội dung với buổi học trước đó và sắp tới (thứ bậc 11); giải thích nội dung khó bằng nhiều cách (thứ bậc 12); thể hiện chiến lược giảng dạy hiệu quả đối với nội dung được đưa

ra (thứ bậc 13); giảm rồi nhiều một cách tích cực (thứ bậc 14); cung cấp minh chứng/ ví dụ về các nội dung, thông tin, vấn đề hoặc lí thuyết được đưa ra (thứ bậc 15); sử dụng phương tiện truyền thông khác nhau trong lớp học (thứ bậc 16); thích nghi với bất cứ thay đổi nào trong chú ý của học sinh (ví dụ, làm tăng sự tham gia của học sinh, thay đổi chiến lược, hoạt động, thay đổi nhịp độ...) (thứ bậc 17); cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng nội dung (ví dụ, các vấn đề, nghiên cứu trường hợp, tạo ra các ví dụ...) (thứ bậc 18); kết nối những ý tưởng/ lí thuyết/ nội dung mới... với những ý tưởng/ lí thuyết/ nội dung quen thuộc (thứ bậc 19); trình bày sự phát triển hiện nay trong lĩnh vực chuyên môn (thứ bậc 20) và sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học (thứ bậc 21).

Như vậy, trong 21 chiến lược sinh viên thực tập tự đánh giá: không có chiến

lược nào đạt ở mức độ cao; năm chiến lược đạt ở mức độ khá cao là những chiến lược thuộc nội dung bài giảng; bốn chiến lược đạt ở mức độ trung bình là những chiến lược thuộc nội dung hiểu người học; 12 chiến lược đạt mức độ thấp thuộc về các chiến lược kĩ thuật giảng dạy và mở rộng nội dung.

Việc tự đánh giá này của sinh viên chứng tỏ việc trả lời nội dung bảng hỏi của họ được thực hiện một cách nghiêm túc, trung thực với thực trạng khả năng và kĩ năng của các giáo sinh đạt được.

**3.2. So sánh kết quả đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo các tham số** (xem bảng 2, 3, 4, 5)

Để việc so sánh các tham số thuận tiện, phương pháp phân tích yếu tố của thang đo được sử dụng và kết quả gồm các yếu tố sau:

Chiến lược liên quan	Các câu
Nội dung bài giảng	c6, c13, c14, c16, c17, c18
Hiểu người học	c7, c8, c10, c11, c19, c20
Kĩ thuật giảng dạy	c1, c2, c3, c4, c5, c9, c12
Mở rộng nội dung	c15, c21

**Bảng 2.** Kết quả tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo các yếu tố

Chiến lược liên quan	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Nội dung bài giảng	3,23	0,68	1
Hiểu người học	3,13	0,63	2
Kĩ thuật giảng dạy	3,04	0,65	3
Mở rộng nội dung	2,96	0,70	4

Bảng 2 cho thấy việc tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng

chiến lược giảng dạy theo yếu tố có thứ bậc từ cao xuống thấp như sau: nội dung

bài giảng; hiểu người học; kỹ thuật giảng dạy và việc mở rộng nội dung.

Như vậy, các yếu tố chiến lược giảng dạy được sử dụng phù hợp với bảng 1. Những chiến lược liên quan đến nội dung bài giảng được đánh giá sử dụng cao nhất, chiến lược hiểu người học được đánh giá sử dụng thứ hai, chiến

lược kỹ thuật giảng dạy được đánh giá sử dụng thứ ba và chiến lược mở rộng nội dung được đánh giá sử dụng thấp nhất. Trong thực tiễn, những chiến lược được sinh viên đánh giá sử dụng thấp đòi hỏi người dạy phải nắm chắc tri thức và có kinh nghiệm giảng dạy mới thực hiện được.

**Bảng 3.** So sánh kết quả tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo giới tính

Chiến lược liên quan	Giới tính				F (df = 1)	P
	Nam		Nữ			
Nội dung bài giảng	3,15	0,71	3,27	0,67	1,049	0,307
Hiểu người học	3,02	0,76	3,18	0,56	2,354	0,127
Kỹ thuật giảng dạy	3,00	0,74	3,07	0,61	0,438	0,509
Mở rộng nội dung	2,94	0,75	2,97	0,68	0,067	0,796

Bảng 3 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về tự đánh giá của sinh viên năm cuối đối với việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo giới tính. Nói cách khác, sinh viên nam và nữ tự đánh giá tương đương về việc sử dụng chiến lược giảng dạy. Có thể nói, trình độ nghiệp vụ sư phạm của sinh viên nữ không thua kém so với sinh viên nam.

**Bảng 4.** So sánh kết quả tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo hộ khẩu

Chiến lược liên quan	Hộ khẩu				F (df = 1)	P
	Tỉnh		Thành phố			
Nội dung bài giảng	3,2239	0,73	3,27	0,46	0,146	0,703
Hiểu người học	3,1219	0,66	3,17	0,50	0,197	0,658
Kỹ thuật giảng dạy	3,0224	0,68	3,15	0,49	1,120	0,291
Mở rộng nội dung	2,9478	0,74	3,02	0,53	0,359	0,550

Bảng 4 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về tự đánh giá của sinh viên năm cuối đối với việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo hộ khẩu. Nói cách khác, sinh viên ở tỉnh và sinh viên ở thành phố tự đánh giá tương đương về việc sử dụng chiến lược giảng dạy.

**Bảng 5.** So sánh kết quả tự đánh giá của sinh viên năm cuối về việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo ngành học

Chiến lược liên quan	Ngành học								F (df = 3)	P
	Tự nhiên		Xã hội		Ngoại ngữ		Ngành khác			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Nội dung bài giảng	3,23	0,67	3,36	0,70	3,13	0,49	2,84	0,86	2,299	0,079
Hiệu người học	3,08	0,66	3,26	0,64	3,04	0,60	3,01	0,46	1,268	0,287
Kỹ thuật giảng dạy	3,01	0,64	3,17	0,69	2,99	0,57	2,78	0,60	1,556	0,202
Mở rộng nội dung	2,83	0,75	3,16	0,61	3,02	0,69	2,73	0,66	2,835	0,040

Bảng 4 cho thấy:

- Có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về tự đánh giá của sinh viên năm cuối đối với việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo ngành học ở hai yếu tố: nội dung bài giảng và mở rộng nội dung.

- Về nội dung bài giảng, ngành xã hội được đánh giá cao nhất, thứ hai là ngành tự nhiên, thứ ba là ngành ngoại ngữ và thứ tư là ngành khác.

- Về mở rộng nội dung, ngành xã hội được đánh giá cao nhất, thứ hai là ngành ngoại ngữ, thứ ba là ngành tự nhiên và thứ tư là ngành khác.

- Không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về tự đánh giá của sinh viên năm cuối đối với việc sử dụng chiến lược giảng dạy theo ngành học ở hai yếu tố: hiệu người học và kỹ thuật giảng dạy.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 21 chiến lược sinh viên thực tập tự đánh giá, không có chiến lược nào đạt ở mức độ cao; 5 chiến lược đạt ở mức độ khá cao là những chiến lược thuộc nội dung bài giảng; 4 chiến lược đạt ở mức độ

trung bình là những chiến lược thuộc nội dung hiệu người học; 12 chiến lược đạt mức độ thấp thuộc về các chiến lược kỹ thuật giảng dạy và mở rộng nội dung.

Việc tự đánh giá của sinh viên phản ánh thực tế về chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy. Có thể nói giáo sinh đạt trình độ cao về chuyên môn, nhưng họ cũng cần thời gian để biến thành cái riêng của bản thân và trình bày hiệu quả; về chiến lược giảng dạy, giáo sinh cần kinh nghiệm để sử dụng thành thạo sau một thời gian giảng dạy ở các trường.

#### 5. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi nhận thấy rằng nhà trường cần tạo điều kiện để giáo sinh có thời gian và không gian thực tập giảng dạy tại trường thường xuyên hơn để có thể rèn luyện tay nghề một cách tự tin.

Các khoa có sinh viên thực tập ở trường phổ thông thì nên cử những thầy cô nhiệt tình, thành thạo chuyên môn và giảng dạy hiệu quả hướng dẫn giáo sinh để giáo sinh có chỗ dựa vững chắc về chuyên môn và học được nghề một cách tốt nhất.

---

**Ghi chú:** Số liệu trong bài viết này trích từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Khảo sát hoạt động học tập các môn nghiệp vụ sư phạm theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số: CS.2013.19.31.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Hồng và cộng sự (1995), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Hà Nội.
2. Pat Beckman (2002), ED474302. ERIC Clearinghouse on Disabilities and Gifted Education Arlington VA.
3. Ph. N. Gônôbôlin (1977-1979), *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, tập 1&2, Nxb Giáo dục.
4. <http://pedagogy.merlot.org/TeachingStrategies.html> (2)
5. <http://www.bucknell.edu/academics/majors-and-minors/education/student-teaching-competencies.html> (1)
6. [http://www.iiep.unesco.org/fileadmin/user\\_upload/Research\\_Highlights\\_Emergencies/Chapter18.pdf](http://www.iiep.unesco.org/fileadmin/user_upload/Research_Highlights_Emergencies/Chapter18.pdf)
7. <https://tll.mit.edu/help/what-strategic-teaching> (3)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-4-2014; ngày phản biện đánh giá: 10-7-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 22-9-2014)